TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 49

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 90 429 đến 90 443?

A. 7 **B.** 6 **C.** 14 **D.** 8

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 353 451 673, chữ số 1 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng trăm, lớp đơn vị **B.** hàng nghìn, lớp triệu

C. hàng nghìn, lớp nghìn **D.** hàng chục nghìn, lớp nghìn

Câu 3. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 5920, số lớn hơn số bé 1212 đơn vị. Số bé là:

A. 2960 **B.** 3566 **C.** 1212 **D.** 2354

Câu 4. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 5692 + 5412 + 3588 = ……

A. 15 692 **B.** 14 592 **C.** 14 702 **D.** 14 692

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 5 với a = 2117, b = 302 là:

A. 2424 **B.** 12 095 **C.** 3637 **D.** 3627

Câu 6. *(0,5 điểm)* 2 tạ 1 yến = …… kg

A. 201 **B.** 21 **C.** 210 **D.** 2010

Câu 7. *(0,5 điểm)* Lúc 11 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc nhọn **B.** góc tù **C.** góc bẹt **D.** góc vuông

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có đặc điểm nào sau đây?

A. Có bốn góc vuông

B. Chỉ có một cặp cạnh song song

C. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

D. Có ba cạnh bằng nhau

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 998 369, 999 396, 989 396, 993 896, 968 399.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 3 với a = 6422, b = 778: ……

b) m − n + p với m = 46 980, n = 9672, p = 5099: ……

c) (x + 3307) × 2 với x = 700: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 328 347 + 210 088 = …….

b) 565 635 − 285 033 = …….

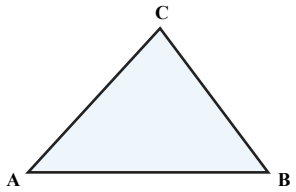
c) 18 273 × 3 = …….

d) 25 554 : 6 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 phút = 100 giây	
b) Năm 1298 thuộc thế kỉ XIII	
c) 1 m^2 = 100 dm^2	
d) 1 tấn = 100 kg	

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Trang là 44 tuổi, mẹ hơn Trang 32 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, Trang bao nhiêu tuổi?

a) Tuổi mẹ: ……. tuổi

b) Tuổi Trang: ……. tuổi

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 49

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	D	D	C	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 999 396, 998 369, 993 896, 989 396, 968 399

b) 999 396 − 968 399 = 30 997

Câu 10.

a) 6422 + 778 × 3 = 6422 + 2334 = 8756

b) 46 980 − 9672 + 5099 = 37 308 + 5099 = 42 407

c) (700 + 3307) × 2 = 4007 × 2 = 8014

Câu 11.

a) 328 347 + 210 088 = 538 435

b) 565 635 − 285 033 = 280 602

c) 18 273 × 3 = 54 819

d) 25 554 : 6 = 4259

Câu 12.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) S

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 3 góc nhọn, 0 góc tù.

Câu 14.

Tuổi Trang: (44 − 32) : 2 = 6 (tuổi)

Tuổi mẹ: 6 + 32 = 38 (tuổi)